

Bản số: 17/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 18-7-2018

V/v Tranh chấp Hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỖ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Đinh Quốc Việt

2. Bà: Ngô Thị Hồng Vân

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lô Thị Lệ Hoài - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ tham gia phiên tòa:**

Ông Vũ Đại Dương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 7 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn: Bà Lục Thị L**, sinh năm 1970. Có mặt

Địa chỉ: Xóm G, xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

- **Bị đơn: Ông Diệp Văn M**, sinh năm 1969. Vắng mặt

Nơi ĐKKHKT: Xóm G, xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

Chỗ ở hiện nay: Thôn 10, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Lục Thị L trình bày:

Bà và ông M kết hôn ngày 02/12/1988, có được tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi cưới, bà về sống cùng gia đình nhà chồng tại xóm G, xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn, cuộc sống khó khăn nên vợ chồng luôn mâu thuẫn, không hạnh phúc nên ông M vào tỉnh Đắk Lắk để làm Ăn rồi ở đó không về nữa. Vợ chồng sống ly thân quá lâu và không còn tình cảm với nhau nên bà L xin được ly hôn với ông M.

Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là Diệp Thị T, sinh năm 1990; Diệp Xuân N, sinh năm 1993; Diệp Thu H, sinh năm 1995. Các con đã trưởng thành và đã có gia đình riêng nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Diệp Văn M đang cư trú tại Thôn 10, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk nên Tòa án nhân dân huyện Đ đã uỷ thác thu thập lời khai của ông M. Tại biên bản lấy lời khai của đương sự do Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk thu thập, ông M trình bày: Ông và bà L kết hôn với nhau khoảng năm 1989, có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn nhưng không nhớ rõ ngày tháng, ông cũng không nhớ đăng ký kết hôn ở đâu. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong mọi chuyện nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Ông M và bà L đã không chung sống với nhau tính đến nay khoảng trên 20 năm và cũng không có liên lạc gì với nhau. Hiện nay ông M đã chung sống với người phụ nữ khác, không còn tình cảm gì với bà L nên đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà L.

Về con chung: Ông M xác định vợ chồng có ba con chung như trình bày của bà L. Các con đã trưởng thành nên ông M không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Ông M xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu toà án giải quyết.

Do điều kiện công việc nên ông M không thể tham gia tố tụng được nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án: Đã chấp hành đúng các quy định của BLTTDS như việc xác định thẩm quyền, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách tham gia tố tụng, cho đương sự viết tự khai, tổng đạt các văn bản tố tụng, xác minh thu thập chứng cứ, mở phiên họp...Thời hạn xét xử được đảm bảo theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa HĐXX và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn về cơ bản đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định BLTTDS. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định BLTTDS.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được HĐXX xem xét tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận. Áp dụng các Điều 21, 147 Bộ luật TTDS, Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội, đề nghị HĐXX quyết định: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L, cho bà L được ly hôn với ông M. Về con chung: Bà L và ông M có ba con chung đều đã trên 18 tuổi, các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Án phí: bà L phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án Hôn nhân gia đình về việc tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa nguyên đơn là bà Lục Thị L và bị đơn là ông Diệp Văn M, đều có Hộ khẩu thường trú tại: Xóm Gốc Thị, xã Nam Hoà, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đ đã tiến hành uỷ thác đầy đủ hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Diệp Văn M theo quy định tại Điều 105 Bộ luật TTDS. Ông M đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật TTDS quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông Diệp Văn M.

[2] Về nội dung vụ án:

+ Quan hệ hôn nhân: Bà Lục Thị L và ông Diệp Văn M kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, bà L và ông M sống không hạnh phúc do kinh tế khó khăn, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn đến năm 1995 ông M vào trong tỉnh Đắk Lắk để làm ăn và sinh sống đến nay không liên có trách nhiệm gì với bà L nhưng thỉnh thoảng vẫn về thăm con, cháu. Như vậy, xét tình cảm vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần áp dụng các Điều 51, 55, 56 luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L.

Về con chung: Bà L và ông M đều xác định vợ chồng có ba con chung là Diệp Thị Thảo, sinh năm 1990; Diệp Xuân Nguyên, sinh năm 1993; Diệp Thu Hương, sinh năm 1995. Các con đã trưởng thành và đã có gia đình riêng nên bà L, ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản: Bà L, ông M không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bà Lục Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 105, 147, 174, 175, 177, 196, 220, 227, 228, 271 và Điều 273 của BLTTDS 2015; Các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của bà Lục Thị L, cho bà Lục Thị L được ly hôn với ông Diệp Văn M.

2. Về con chung: Bà L và ông M xác định các con đều đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu, nên HĐXX không xem xét giải quyết. Các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

4. Án phí: Bà Lục Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án Hôn nhân gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0015962 ngày 22/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn (bà L), vắng mặt bị đơn (ông M). Báo cho bà L biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho ông M biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên
- UBND xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk
- Lưu: HS, bộ phận HNGĐ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Quang Tuấn

